TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 01 - 2022
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH QUẢNG NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và bà Lê Thị Thanh T;

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/2021/ TLST – HNGĐ ngày 01/11/2021 về việc "Ly hôn" theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 70/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 09/12/2021 và Q định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Ngô Văn Q, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: tổ S, khu S, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Bích T, sinh năm: xxxx; ĐKHKTT tại: tổ S, khu S, phường Cẩm Thành, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Ngô Văn Q đều trình bày: anh và chị Nguyễn Bích T kết hôn với nhau từ năm 1993 có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường C), thành phố C, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau 01 năm, trong thời gian tìm hiểu thì chị T đã mang thai con chung của anh chị là Ngô Bảo Q, sau đó anh chị mới đi đăng ký kết hôn rồi về sống cùng với bố mẹ đẻ anh tại phường C, thành phố C, do điều chỉnh địa giới hành chính nên nơi cư trú của vợ chồng anh chuyển thành phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị sau kết hôn hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T làm ăn phát triển kinh tế trong gia đình bị thua lỗ nên đã làm thất thoát kinh tế dẫn đến vỡ nợ, anh chị đã phải bán và cầm cố nhiều tài sản trong nhà để trả nợ cho chị T nhưng vẫn không đủ, anh có khuyên nhủ nhưng chị T không rút kinh nghiệm, vẫn tiếp tục lấn sâu vào việc nợ nần và gây khó khăn hơn cho gia đình về kinh tế khiến anh cảm thấy chán nản, mệt mỏi khi phải tiếp tục chung sống cùng với chị T. Kinh tế gặp nhiều khó khăn khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh

chị thường xuyên cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Vì không muốn các con chứng kiến việc mâu thuẫn đã nhiều lần anh nói chuyện với chị T để hiểu nhau hơn và cùng tìm biện pháp hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được nên tình cảm dành cho nhau mất dần. Anh chị Q định sống ly thân nhau từ tháng 6/2015 đến nay, anh chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không bàn bạc để tìm cách hàn gắn tình cảm. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được đại diện khu phố và gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay anh xác định không còn tình cảm dành cho chị T nên đề nghị Tòa án giải Q cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: anh và chị Nguyễn Bích T có 03 con chung là Ngô Bảo Q – sinh ngày xx/x/xxxx; Ngô Ngọc Đ – sinh ngày xx/x/xxxx và Ngô Công Đ – sinh ngày xx/x/xxxx, cả ba con chung của anh chị đều đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: trong thời gian chung sống do chị T nợ nần nhiều nên đã dùng hết tài sản chung để trả nợ đến nay anh chị không còn tài sản và công nợ chung.

* Trong quá trình thụ lý giải Q vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – chị Nguyễn Bích T nhiều lần nhưng chị T cố tình vắng mặt do vậy Tòa án không lấy được lời khai của chị T, chị T không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của anh Ngô Văn Q, anh Q được ly hôn với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Ngô Văn Q yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Bích T hiện cư trú tại địa bàn thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải Q với quan hệ pháp luật "Ly hôn" là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải Q vụ án bị đơn – chị Nguyễn Bích T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Q định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố C đã tống đạt hợp lệ cho chị T nhưng chị T cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Ngô Văn Q và chị Nguyễn Bích T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm Bình, thành phố C vào năm 1993. Sau kết hôn anh chị về sống tại tổ S, khu S, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của anh chị theo anh Q trình bày thì có hạnh phúc cho đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh Q trình bày là do chị T trong quá trình làm ăn thua lỗ đã làm thất thoát kinh tế trong gia đình, anh chị đã phải bán nhiều tài sản trong nhà để trả nợ cho chị T, sau đó anh Q có khuyên bảo bàn bạc cùng chị T để tìm cách tháo gỡ nhưng chị T không thay đổi, vẫn tiếp tục nợ nần ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế trong gia đình, từ đó anh chị thường xuyên cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nên đến tháng 6/2015 anh chị Q định sống ly thân nhau, không quan tâm và không bàn bạc để tìm biện pháp hàn gắn mâu thuẫn. Bản thân chị T khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải Q vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ chị T cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải Q mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên anh Q xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của anh Q và chị T cũng phù hợp với lời khai của con chung của anh chị và cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Q và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q đối với chị T.

* Về con chung: anh Ngô Văn Q và chị Nguyễn Bích T có 03 con chung là Ngô Bảo Q – sinh ngày xx/x/xxxx; Ngô Ngọc Đ – sinh ngày xx/x/xxxx và Ngô Công Đ – sinh ngày xx/x/xxxx, cả ba con chung của anh chị đều đã trưởng thành và hoàn toàn khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về tài sản chung: anh Ngô Văn Q và chị Nguyễn Bích T không có tài sản và công nợ chung.

[3] Về án phí: anh Ngô Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Ngô Văn Q và chị Nguyễn Bích T.

2. Về án phí: Anh Ngô Văn Q phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Q đã nộp ngày xx/x/xxxx theo biên lai số: 000xxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quýnh